

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 65: Chính tả](#)

*Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 65: Chính tả*

**Câu 1:** Điền chữ thích hợp trong ngoặc đơn vào chỗ trống :

- a) - (*sen, xen*) :      hoa ... , ... kẽ  
- (*sua xua*) :      ngày ... , ... say  
- (*sử, xử*) :      cư ... , lịch ...
- b) - (*kín, kiến*) :      con ... , ... mít  
- (*chín, chiến*) :      cơm ... , ... đầu  
- (*tim, tiêm*) :      kim ... , trái ...

**Lời giải chi tiết:**

a) hoa **sen**, **xen** kẽ

ngày **xua**, say **sua**

cư **xử**, lịch **sử**

b) con **kiến**, **kín** mít

cơm **chín**, **chiến** đầu

kim **tiêm**, trái **tim**

**Câu 2:** Viết vào chỗ trống những tiếng :

a) Chỉ khác nhau ở âm đầu **s** hoặc **x**

**M** : *nước sôi - đĩa xôi, ngôi sao - xao xác, .....*

b) Chỉ khác nhau ở âm giữa và **i** hoặc **iê**

**M** : *nàng tiên - lòng tin, lúa chiêm - chim sâu, .....*

**Lời giải chi tiết:**

- a) Chỉ khác nhau ở âm đầu **s** hoặc **x**: *giọt sương - khúc xương, trái sung - xung quanh, su su - đồng xu, chim sẻ - xẻ gỗ, quyển sách - sách mé,...*
- b) Chỉ khác nhau ở âm giữa vần **i** hoặc **iê**: *kiêm nhiệm - cái kim, vương miện - mịn màng, viên bi - vịn vào, thanh liêm - gỗ lim,...*